

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng
dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số về việc ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Viễn thông Cao Bằng;
- Viettel Cao Bằng;
- Bru điện tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, VX_(M).

℞

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa

KẾ HOẠCH

Thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 984/QĐ-UBND, ngày 05 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. THỰC TRẠNG VÀ SỰ CẦN THIẾT

Trong những năm qua, dịch vụ công trực tuyến đã được các Sở, Ban ngành tích cực rà soát, cung cấp trên Cổng dịch vụ công tỉnh và tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, toàn tỉnh đạt tỷ lệ 87% dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 3, mức độ 4. Tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 còn rất thấp; chưa được người dân và doanh nghiệp quan tâm, thực hiện nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tuyến. Năm 2021, tỉnh Cao Bằng chỉ đạt 10% số dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến chỉ đạt 9,8%. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến chỉ số cải cách hành chính năm 2021 của tỉnh nằm trong nhóm thấp nhất của cả nước.

Hạn chế trên có nguyên nhân khách quan là do một bộ phận người dân chưa biết đến lợi ích của dịch vụ công trực tuyến, còn hạn chế về kỹ năng sử dụng, chưa tin cậy vào phương thức nộp hồ sơ qua mạng. Nhưng có cả nguyên nhân chủ quan từ phía cơ quan nhà nước, chưa tạo thuận tiện cho người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cung cấp, việc hoàn thiện hồ sơ còn nhiều khó khăn, vướng mắc; người dân chưa được hướng dẫn cụ thể về kỹ năng, cách thức sử dụng dịch vụ công trực tuyến; quy trình tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chưa đồng bộ, thống nhất trên môi trường mạng, giao diện ứng dụng nộp hồ sơ trực tuyến chưa thân thiện, dễ hiểu,...

Việc nâng cao số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ cũng như tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu các địa phương hoàn thành trong năm 2022. Theo đó, tại Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ủy ban Quốc gia về Chuyển đổi số ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/3/2022 giao các địa phương phải hoàn thành chỉ tiêu: Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80% và tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.

Để phân đầu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ Chính phủ giao; nhằm cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân hiệu quả, thực chất, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) trên địa bàn tỉnh, các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành

phổ cập sớm triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thúc đẩy nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng DVCTT, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính, góp phần cải thiện chỉ số Chuyển đổi số (DTI), chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số Năng lực cạnh tranh (PCI) cấp tỉnh.

- Đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử năm 2022 ban hành tại Quyết định số 27/QĐ-UBQGČDS ngày 15/3/2022 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 ban hành tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia.

- Kết nối, khai thác dữ liệu hiệu quả từ các cơ sở dữ liệu quốc gia để giảm thiểu giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện DVCTT.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2022

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp DVCTT ở mức độ 4.
- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 80%.
- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 50%.
- Cổng Dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử tỉnh được kết nối, khai thác và sử dụng ngay các dịch vụ dữ liệu đã sẵn sàng được cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Giao chỉ tiêu tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến

- Nội dung thực hiện: Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố¹ thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu về tỷ lệ dịch vụ công phát sinh hồ sơ và hồ sơ phát sinh trực tuyến trong năm 2022, cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số DVCTT mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ (bao gồm phát sinh hồ sơ trực tuyến và trực tiếp) đạt 80% trở lên.

+ Tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ của DVCTT ở mức độ 3, 4 (bao gồm hồ sơ trực tuyến và trực tiếp) đạt 50% trở lên.

¹ Bao gồm cả kết quả thực hiện của UBND cấp xã thuộc địa bàn quản lý.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

2. Lựa chọn, đề xuất dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến

- Nội dung thực hiện: Các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện, cấp xã lựa chọn, thực hiện chỉ tiếp nhận hồ sơ đối với một số DVCTT tương ứng với một số đối tượng sử dụng phù hợp, khả thi trong tiếp cận, thực hiện dịch vụ (*lựa chọn ít nhất 01 DVCTT trở lên chỉ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến*); công bố, thông báo rộng rãi cho các tổ chức, cá nhân biết để thực hiện; đồng thời gửi về Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi, hướng dẫn thực hiện.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, Ban ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công), Sở Nội vụ, VNPT Cao Bằng.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 8/2022.

3. Ban hành, thực hiện các chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến

3.1. Tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, triển khai thực hiện chính sách giảm thời gian giải quyết và ưu tiên giải quyết đối với các hồ sơ thủ tục hành chính được người dân, doanh nghiệp nộp trực tuyến

- Cơ quan chủ trì: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công).

- Cơ quan phối hợp: Các Sở, Ban ngành; UBND các huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 8/2022.

3.2. Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến

- Cơ quan chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian hoàn thành: Tháng 12/2022.

3. Rà soát, đưa các thủ tục hành chính đủ điều kiện lên cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4

- Nội dung thực hiện: Các Sở, Ban ngành, nhất là các đơn vị có tỷ lệ DVCTT mức độ 4 chưa cao, tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý, các điều kiện bảo đảm để cung cấp trực tuyến mức độ 4 ở ba cấp (tỉnh, huyện, xã) trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đặc biệt là các thủ tục phát sinh nhiều hồ sơ, các thủ tục trong danh mục dịch vụ công thiết yếu được

quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022² (Đề án 06) và danh mục DVCTT tại Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ³.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, Ban ngành cấp tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ Hành chính công), Sở Thông tin và Truyền thông, UBND cấp huyện, Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4. Nâng cao hiệu quả cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4, bảo đảm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến; gia tăng số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến

4.1. Tăng cường công tác tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến trong cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện truyền thông về sự thuận tiện của DVCTT trong giải quyết các thủ tục hành chính nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp; đổi mới nội dung và hình thức để truyền thông, hướng dẫn phù hợp, đặc biệt là các tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Thành lập và phát huy hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các huyện, xã triển khai hiệu quả nội dung này.

+ Biên soạn tờ rơi giới thiệu DVCTT, hướng dẫn sử dụng cho từng DVCTT theo hướng ngắn gọn, dễ hiểu, ngôn ngữ thân thiện phát cho cá nhân, tổ chức khi đến thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả cấp huyện, cấp xã; xây dựng hình ảnh minh họa, video hướng dẫn đăng tải trên các trang thông tin điện tử, màn hình hiển thị.

+ Xây dựng tin, bài về tuyên truyền về DVCTT phát trên đài truyền thanh cơ sở, trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội có sức lan tỏa, tương tác cao (như Zalo, Facebook,...).

+ Hoàn thành việc thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, Ban ngành; UBND cấp huyện, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.2. Bảo đảm các dịch vụ công được cung cấp ở mức độ 3, mức độ 4 được tối ưu trải nghiệm, để thực hiện cho người dân và doanh nghiệp

² Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

³ Phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên cổng dịch vụ công quốc gia năm 2022.

- Nội dung thực hiện:

+ Hoàn thiện các mẫu đơn, tờ khai dưới dạng biểu mẫu điện tử tương tác trên Cổng dịch vụ công tỉnh, sử dụng các thông tin có sẵn từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, sử dụng lại thông tin, hồ sơ, giấy tờ đã nộp trước đó; tối ưu hóa giao diện theo hướng thân thiện “lấy tổ chức và cá nhân thực hiện thủ tục hành chính làm trung tâm”.

+ Rà soát, tối ưu hóa quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Thường xuyên chạy thử trải nghiệm của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công của tỉnh từ bước nộp hồ sơ đến khi nhận kết quả cho từng dịch vụ công nhằm kịp thời hiệu chỉnh các bất cập, cải thiện quy trình và yêu cầu hồ sơ.

- Cơ quan thực hiện: Sở, Ban ngành thuộc UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Viễn thông Cao Bằng, Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công).

4.3. Chú trọng giới thiệu, hướng dẫn, hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến tại các điểm phục vụ bưu chính

- Nội dung thực hiện: Rà soát, đánh giá khả năng đáp ứng của bưu điện huyện, điểm phục vụ bưu chính xã để giới thiệu, hỗ trợ cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tuyến tại các điểm phục vụ bưu chính có đủ điều kiện.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: Bưu điện tỉnh Cao Bằng, Sở Thông tin và Truyền thông.

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công), UBND cấp huyện, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

4.4. Đăng ký, quản lý tài khoản ngân hàng dùng cho việc thu phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính trực tuyến

- Nội dung thực hiện: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính các cấp đăng ký mở tài khoản ngân hàng thương mại, khai báo trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công của tỉnh phục vụ thanh toán trực tuyến phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tuyến. Không sử dụng tài khoản cá nhân hoặc tài khoản dùng chung với các mục đích khác.

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Thời gian hoàn thành: Quý III/2022.

5. Đẩy mạnh kết nối, khai thác dữ liệu hiệu quả từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin có phạm vi quy mô từ Trung ương tới địa phương

- Nội dung thực hiện: Kết nối, khai thác và sử dụng ngay các dịch vụ dữ liệu đã sẵn sàng cung cấp trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để giảm thiểu giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện DVCTT.

Danh sách các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã kết nối, sẵn sàng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP) tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này.

- Cơ quan chủ trì và phối hợp: Theo Phụ lục I kèm theo Kế hoạch.
- Thời gian hoàn thành: Quý IV năm 2022.

6. Chế độ báo cáo

- Các cơ quan được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch này định kỳ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, báo cáo hàng quý **trước ngày 28 tháng cuối quý** (theo đề cương báo cáo tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch) gửi UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh) về tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ngoài ra, đối với các nhiệm vụ có thời hạn hoàn thành: Các cơ quan chủ trì báo cáo kết quả thực hiện khi hết thời hạn giao hoàn thành nhiệm vụ.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, Ban ngành, UBND các huyện, thành phố

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi quản lý nhà nước triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đảm bảo hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu được giao, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả triển khai tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- UBND các huyện, thành phố chỉ đạo, đôn đốc UBND các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn thực hiện các nội dung kế hoạch, tổng hợp số liệu và báo cáo tình hình thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định.

- Các Sở, Ban ngành có dịch vụ công được giải quyết, xử lý trên hệ thống chuyên ngành của ngành, lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp với đơn vị chủ quản hệ thống, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan kết nối, khai thác hiệu quả từ các cơ sở dữ liệu quốc gia trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh để giảm thiểu giấy tờ cho người dân và doanh nghiệp, đảm bảo người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp dữ liệu một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện DVCTT.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung kế hoạch.

- Chủ động phối hợp với các Sở, Ban ngành hoàn thành các nhiệm vụ được giao chủ trì thực hiện tại Kế hoạch này; chịu trách nhiệm UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, định kỳ báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 30 tháng cuối quý**; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện.

3. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công)

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban ngành, địa phương cập nhật kịp thời, đầy đủ danh mục thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử của tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, Ban ngành, UBND cấp huyện triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

4. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan, xem xét đưa các nội dung thực hiện dịch vụ công mức độ 3, 4 của các cơ quan, đơn vị, địa phương vào Bộ chỉ số theo dõi, đánh giá, xếp hạng kết quả cải cách hành chính hàng năm.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xem xét, nghiên cứu đưa chỉ tiêu tỷ lệ DVCTT phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến tại các cơ quan, đơn vị vào bộ tiêu chí đánh giá thi đua, khen thưởng; tham mưu UBND tỉnh kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ Kế hoạch.

5. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí trong dự toán giao đầu năm thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực, chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành chính sách giảm phí, lệ phí thực hiện thủ tục hành chính khi người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

6. Báo Cao Bằng, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; kịp thời phản ánh, kiến nghị các mô hình, sáng kiến, cách làm hay, gương điển hình trong sử dụng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

7. Bưu điện tỉnh Cao Bằng

- Chủ động phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã thực hiện hỗ trợ, hướng dẫn cho người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1675/UBND-VX ngày 29/6/2022 và nhiệm vụ giao tại điểm 4.3 khoản 4 mục III Kế hoạch này.

- Tích cực đẩy mạnh các giải pháp nâng cao hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan kết nối Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam (VNPOST) với Cổng Dịch vụ công tỉnh và hệ thống thông tin Một cửa điện tử được nêu tại khoản 5 mục III Kế hoạch này.

8. Viên thông Cao Bằng

- Đảm bảo cung cấp chức năng báo cáo, thống kê chính xác, linh hoạt về số liệu DVCTT, giải quyết hồ sơ trên Hệ thống thông tin một cửa và Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

- Thiết lập chức năng khai báo tài khoản thanh toán trực tuyến cho từng cơ quan, phân quyền quản trị phù hợp với trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính theo phân cấp; hướng dẫn quản trị viên đơn vị thực hiện cấu hình hệ thống theo phân quyền nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đảm bảo kết nối, khai thác hiệu quả từ các cơ sở dữ liệu quốc gia trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP).

Trên đây là Kế hoạch thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để kịp thời chỉ đạo./.

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU, HỆ THỐNG THÔNG TIN CẦN KẾT NỐI, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG
TRÊN NỀN TẢNG TÍCH HỢP, CHIA SẺ DỮ LIỆU QUỐC GIA (NDXP)

(Kèm theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)



STT	Cơ sở dữ liệu/ Hệ thống thông tin	Mục đích	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	<p>- Các cơ quan nhà nước nói chung: Khai thác thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhằm hỗ trợ xác thực, xác minh thông tin doanh nghiệp; hỗ trợ tự động điền vào các biểu mẫu điện tử của dịch vụ công.</p> <p>- Đối với các địa phương: Khai thác trạng thái xử lý, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn của mình; thông tin về các doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động trên địa bàn của địa phương mình <i>(Tránh tình trạng phải nhập thông tin phục vụ quản lý, thống kê, báo cáo trên 2 phần mềm)</i>.</p>	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan
2	Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Bộ Công an)	Giúp tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí cho xã hội khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp DVCTT; người dân không phải chứng thực, nộp giấy tờ liên quan đến công dân (sổ hộ khẩu, thẻ căn cước công dân, chứng minh thư nhân	Công an tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan

STT	Cơ sở dữ liệu/ Hệ thống thông tin	Mục đích	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		dân...) mỗi khi thực hiện thủ tục hành chính; không phải cung cấp, kê khai thông tin một cách thủ công nhiều lần; công chức xử lý hồ sơ thuận tiện, nhanh chóng, không phải nhập dữ liệu thủ công trên các phần mềm khác nhau; chưa kể chi phí lưu trữ bản giấy, rủi ro khi tham gia giao thông.		
3	Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Bảo hiểm Xã hội Việt Nam)	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác thông tin phục vụ phòng, chống dịch COVID-19; - Khai thác các thông tin về hộ gia đình, cá nhân tham gia bảo hiểm; thông tin thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi. 	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Sở Y tế; Sở Thông tin và Truyền thông; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan
4	Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia (phân hệ tập trung tại Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Khai thác bản đồ số, dữ liệu danh mục dùng chung lĩnh vực đất đai, thông tin quy hoạch đất đai, hiện trạng sử dụng đất đai của các địa phương phục vụ quản lý nhà nước, phát triển các ứng dụng về quản lý đất đai (LIS) được hiệu quả, đảm bảo đồng bộ trên cả nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Thông tin và Truyền thông; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan
5	Liên thông Tài nguyên Môi trường - Thuế (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	Liên thông gửi phiếu chuyển nghĩa vụ tài chính khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai giữa Hệ thống thông tin một cửa điện tử/Công Dịch vụ công với phần mềm chuyên ngành đăng ký đất đai và Hệ thống của	Sở Tài nguyên và Môi trường	Cục Thuế Cao Bằng; Sở Thông tin và Truyền thông; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan

STT	Cơ sở dữ liệu/ Hệ thống thông tin	Mục đích	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		Tổng cục Quản lý đất đai để gửi sang hệ thống của Tổng cục Thuế.		
6	Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp)	Khai thác thông tin về văn bản quy phạm pháp luật, nhằm tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí trong toàn quốc.	Sở Tư pháp	Sở Thông tin và Truyền thông; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan
7	Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến (Bộ Tư pháp)	<ul style="list-style-type: none"> - Liên thông hồ sơ từ Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh với Hệ thống cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của Bộ Tư pháp (để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm); - Khai thác thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính cấp phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến của các địa phương. 		
8	Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch (Bộ Tư pháp)	<ul style="list-style-type: none"> - Liên thông hồ sơ từ Cổng dịch vụ công/Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh với Hệ thống thông tin đăng ký và quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp (để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm); - Thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính về hộ tịch của các địa phương. - Thực hiện liên thông hồ sơ khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi (để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần 	Sở Tư pháp	Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan.

STT	Cơ sở dữ liệu/ Hệ thống thông tin	Mục đích	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		<i>mềm</i>);		
9	Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá (Bộ Tài chính)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với địa phương: Phục vụ đồng bộ tự động thông tin về giá từ CSDL về giá của địa phương với CSDL quốc gia về giá do Bộ Tài chính quản lý bảo đảm sự thống nhất thông tin về giá ở các cơ quan ở Trung ương và địa phương; - Đối với các cơ quan nhà nước: Truy vấn thông tin về giá từ CSDL quốc gia về giá phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan được kịp thời, hiệu quả. 	Sở Tài chính	Sở Thông tin và Truyền thông; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan.
10	Hệ thống cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (Bộ Tài chính)	Khai thác thông tin trạng thái xử lý, trả kết quả thủ tục hành chính cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách của các địa phương (<i>để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm</i>).		
11	Cơ sở dữ liệu đăng kiểm phương tiện (Bộ Giao thông vận tải)	Khai thác thông tin đăng kiểm của phương tiện giao thông (nhãn hiệu, loại xe, tải trọng hàng hóa, biển số đăng ký) theo thời gian thực phục vụ nghiệp vụ quản lý giao thông vận tải, thông quan... của bộ, ngành, địa phương.	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan.
12	Hệ thống quản lý giao thông vận tải (Bộ Giao thông vận tải)	Phục vụ các địa phương tra cứu thông tin hồ sơ thủ tục hành chính theo thời gian thực, cho phép lấy về danh sách hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý		

STT	Cơ sở dữ liệu/ Hệ thống thông tin	Mục đích	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
		vận tải đường bộ (<i>để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm</i>).		
13	Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông)	Khai thác dữ liệu danh mục điện tử dùng chung phục vụ việc kết nối, tích hợp và chia sẻ một cách thống nhất trong toàn quốc.	Sở Thông tin và Truyền thông	Văn phòng UBND tỉnh; Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan.
14	Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng	Phục vụ đồng bộ trạng thái xử lý, trả kết quả, hồ sơ giải thủ tục hành về thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện bán, cho thuê mua giữa Cổng dịch vụ công của Bộ Xây dựng và Cổng dịch vụ công của địa phương (<i>để tránh phải nhập hồ sơ trên 02 phần mềm</i>).	Sở Xây dựng	Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan.
15	Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng công ty Bưu điện Việt Nam	Trạng thái tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ Bưu chính công ích (Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg).	Bưu điện tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Viễn thông Cao Bằng và các đơn vị liên quan.



Phụ lục II

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THỨC ĐẨY HIỆU QUẢ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN

(Kèm theo Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. CÔNG TÁC THAM MƯU, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI

(Tổng hợp công tác tham mưu, chỉ đạo, triển khai tại đơn vị, địa phương; các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể để đạt được các mục tiêu Kế hoạch)

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến

- Kết quả rà soát, đưa các thủ tục hành chính (TTHC) đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4 lên Cổng Dịch vụ công và hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia (nội dung báo cáo áp dụng đối với các sở, ban, ngành về TTHC thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý tại 3 cấp: tỉnh, huyện, xã; rà soát áp dụng đối với các dịch vụ công hiện đang ở mức độ 2 và 3)

Liệt kê danh mục (nếu có) các TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4.

- Tỷ lệ DVCTT mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trực tuyến trên tổng số DVCTT mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ (bao gồm phát sinh hồ sơ trực tuyến và trực tiếp).

(Số liệu tính từ ngày 01/01 đến thời điểm báo cáo của năm)

- Tỷ lệ số hồ sơ được xử lý trực tuyến trên tổng số hồ sơ DVCTT ở mức độ 3, 4 (bao gồm hồ sơ trực tuyến và trực tiếp)

(Số liệu tính từ ngày 01/01 đến thời điểm báo cáo của năm)

- Danh mục DVCTT mức độ 3, 4 chỉ tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến.

Danh mục, số lượng cụ thể áp dụng của cơ quan, đơn vị; hình thức thông báo rộng rãi đến tổ chức và cá nhân?

2. Nâng cao hiệu quả cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4, bảo đảm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến; gia tăng số lượng hồ sơ xử lý trực tuyến

a) Về công tác tuyên truyền dịch vụ công trực tuyến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân, doanh nghiệp

Hình thức tuyên truyền, số lượng

b) Lựa chọn DVCTT mức độ 3, 4 chỉ tiếp nhận bằng hình thức trực tuyến

Danh mục cụ thể áp dụng của cơ quan, đơn vị; hình thức thông báo rộng rãi đến tổ chức và cá nhân?

c) Giới thiệu, hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến, nhận hồ sơ và kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích

Đã giới thiệu, hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến, nhận hồ sơ và kết quả qua dịch vụ bưu chính như thế nào? Những thủ tục hành chính nào? Địa điểm, số lượng triển khai?

d) Khuyến khích người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến

Đã áp dụng hình thức khuyến khích nào?

e) Các nội dung khác tại Kế hoạch

- Bảo đảm các DVC được cung cấp mức độ 3, 4 được tối ưu, dễ thực hiện cho người dân và doanh nghiệp; thường xuyên chạy thử các DVC mức độ 3, 4; tái cấu trúc quy trình giải quyết DVC mức độ 3, 4; các cá nhân liên quan đến việc giải quyết TTHC từ tiếp nhận, xử lý và trả kết quả có thực hiện trên hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công, tuân thủ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021, nghiệp vụ quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ tại Công văn số 9318/VPCP-KSTT?

- Đã có tài khoản phục vụ thanh toán trực tuyến và được khai báo trên Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Cổng Dịch vụ công?

3. Kết nối, khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đã sẵn sàng cung cấp, chia sẻ dữ liệu trên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP) với Cổng Dịch vụ công của tỉnh (Đối với các cơ quan, đơn vị chủ trì tại Phụ lục I Kế hoạch của UBND tỉnh)

(Nêu rõ hiện trạng, kết quả tình hình triển khai)

III. KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỜI GIAN TỚI

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ